TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 567/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/2/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 569/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà H V L, sinh năm 1992; địa chỉ: A T, B A, huyện B B, tỉnh B T;

2. Ông N T Đ, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: X7, thông Đ Y 1, xã B D, huyện B S, tỉnh Q N;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, bà L nộp đơn khởi kiện ông Đ về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Hồ sơ được Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiếp nhận giải quyết. Quá trình hòa giải, các bên thống nhất đề nghị giải quyết cho ly hôn. Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án đã lập Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản Ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn vào ngày 22/10/2019. Sau đó các đương sự làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con và tài sản khi ly hôn ngày 22/10/2019 và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ông Đ cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, đơn yêu cầu được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Đ và bà L chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B A, huyện B B, tỉnh B Th theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển số 01/2010 ngày 20/11/2011.

Về con chung: Có 02 con chung N Q M, sinh ngày 24/11/2015; N H B N, sinh ngày 23/10/2011.

Về tài sản chung, nợ chung: C ác bên không yêu cầu toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông bà thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, xác định tình cảm vợ chồng không còn, không đồng ý đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy ông Đ và bà L đã thực sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận được với nhau về việc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận đó là phù hợp các quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chấp nhận đơn yêu cầu của các bên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông N T Đ và bà H V L.

- Về con chung: Giao bà H V L trược tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung N Q M, sinh ngày 24/11/2015; ông N T Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung N H B N, sinh ngày 23/10/2011. Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ và bà L đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông N T Đ và bà H V L mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2016/0034701 ngày 22/10/2019 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung

năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã B A, huyện B B, tỉnh B T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Quý